

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ - ST

Ngày 09-7-2020

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Trí.

2. Bà Lê Thị Dệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 09/7/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc “tranh chấp hôn nhân gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXX-ST ngày 01 tháng 6 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 04/TB-TA ngày 29/6/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị T, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn TS, xã TC, huyện NC, Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Ông Mai Văn L, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn TS, xã TC, huyện NC, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt bà T, vắng mặt ông L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/01/2020 và bản tự khai ngày 12/02/2020, nguyên đơn bà Cao Thị T trình bày: Bà T và ông Mai Văn L xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 1988 tại UBND xã TC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa nhưng vì thời gian quá lâu nên đã làm mất giấy

đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6 năm 1995 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L thường xuyên uống rượu, bà đã khuyên can nhưng ông L không nghe mà còn đánh bà. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Mâu thuẫn ngày một trầm trọng vì vậy vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2014 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Hiện nay bà không có thai nghén gì với ông L. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Mai Văn L.

Về con chung: Bà và ông L có 02 con chung là Mai Thị H, sinh ngày 05/5/1989 và Mai Văn Y, sinh ngày 25/5/1994. Hiện nay hai con đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Cao Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L. Về con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 04/02/2020 bị đơn là ông Mai Văn L trình bày:* Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa vào năm 1988. Do thời gian đã lâu nên giấy chứng nhận kết hôn đã bị mất không thể cung cấp cho Tòa án. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 5 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không cùng quan điểm, tư tưởng, lối sống, nhận thức nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vợ chồng không hàn gắn được. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 5/2015 cho đến nay. Do tình cảm không còn, vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài nên không có khả năng đoàn tụ nên ông L cũng đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung là Mai Thị H, sinh ngày 05/5/1989 và Mai Văn Y, sinh ngày 25/5/1994. Hiện nay hai con đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Nông Cống nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Ông Mai Văn L có hộ khẩu thường trú tại thôn TS, xã TC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa nên việc bà Cao Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc tranh chấp Hôn nhân gia đình là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Xác định quan hệ tranh chấp: Theo nguyên đơn và bị đơn trình bày vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã TC, huyện NC, Thanh Hóa nhưng do bảo quản không tốt nên đã mất. Tuy nhiên theo xác nhận của UBND xã TC, huyện NC, Thanh Hóa được bà Cao Thị T nộp kèm theo đơn khởi kiện thì việc bà Cao Thị T và ông Mai Văn L có đăng ký kết hôn tại UBND xã TC, huyện NC, Thanh Hóa hay không thì hiện nay các tài liệu lưu giữ của UBND xã không thấy việc đăng ký kết hôn của ông L và bà T. Vì vậy không có cơ sở chấp nhận trình bày của các bên đương sự về việc ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình trong trường hợp không có đăng ký kết hôn và không công nhận là vợ chồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt ông Mai Văn L, ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, vì vậy cần áp dụng khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông L là đúng với quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung*:

- Về hôn nhân: Bà Cao Thị T và ông Mai Văn L sống chung với nhau từ năm 1988, không có đăng ký kết hôn. Sau khi sống chung, ông bà sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nên thường dẫn đến cãi nhau. Mâu thuẫn ngày một trầm trọng nên ông bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 5 năm 2014 cho đến nay không quan tâm gì với nhau. Cả hai ông bà đều xét thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài và muốn được ly hôn với nhau.

- Về con chung: Bà T và ông L có với nhau 02 người con chung là Mai Thị H, sinh ngày 05/5/1989 và Mai Văn Y, sinh ngày 25/5/1994. Hiện nay hai con đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung: Bà T và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết việc phân chia tài sản chung.

* Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của ông L và bà T thấy rằng:

Ông Mai Văn L và bà Cao Thị T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, theo lời khai của ông L và bà T thì ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã TC, huyện NC, Thanh Hóa, Thanh Hóa vào năm 1988 nhưng do thời gian đã lâu nên đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn nên không cung cấp cho Tòa án

được. Tuy nhiên, theo công văn của Ủy ban nhân dân xã TC, huyện NC, Thanh Hóa, Thanh Hóa được bà T nộp kèm theo đơn khởi kiện thì sau khi kiểm tra sổ hộ tịch năm 1988 không có lưu tên vợ chồng ông L và bà T. Như vậy, không có căn cứ việc ông L và bà T có đăng ký kết hôn. Theo Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ 03/01/1987 đến 01/01/2001 mà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn 02 năm kể từ ngày 01/01/2001 đến 01/01/2003, từ sau thời điểm này mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Vì vậy, cần áp dụng điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình xử không công nhận ông L và bà T là vợ chồng.

- Về con chung: Ông L và bà T có 02 con chung là Mai Thị H, sinh ngày 05/5/1989 và Mai Văn Y, sinh ngày 25/5/1994. Hiện nay hai con đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy HĐXX không xem xét.

- Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác về tài sản và công nợ chung cho hai bên đương sự.

- Về án phí: Bà Cao Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9; Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3 Nghị quyết 35/2000/QH khóa X; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận ông Mai Văn L và bà Cao Thị T là vợ chồng.

2. *Về tài sản chung:* Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

3. *Về án phí:*

Bà Cao Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2017/0002135 ngày 16/01/2020. Chấp nhận bà T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà T, vắng mặt ông L. Bà T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã TC, huyện NC, Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT. TH13.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Kỳ An